

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 5-2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Ông Nguyễn Văn Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019. Về việc: “Tranh chấp ly hôn” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phùng Văn N, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Văn N kết hôn năm 1994. Đến ngày 29/12/2004 vợ chồng anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND

thị trấn Long Mỹ (nay là UBND phường T), hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: chị D cho rằng anh N thường xuyên nhậu nhẹt với bạn bè, không lo làm ăn và có mối quan hệ bất chính với người khác nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Tuy chị D và anh N vẫn sống chung một nhà nhưng 08 năm nay vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phùng Thị Thùy L (giới tính: nữ) sinh ngày 13/02/2001; Phùng Quốc M (giới tính: nam), sinh ngày 23/02/2003 và Phùng Quốc Đ (giới tính: nam), sinh ngày 21/9/2015. Cháu L đã trưởng thành, riêng cháu M và cháu Đ đang sống chung với chị D. Nay chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có, chị D và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phùng Văn N trình bày: Anh N thống nhất lời trình bày của chị D về việc vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chị D cho rằng anh N có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài là không đúng. Do anh N là thợ hồ nên có thường xuyên đi uống rượu với bạn bè, chị D không đồng ý nên vợ chồng mới cự cãi. Vì vậy trong quá trình Tòa án hòa giải anh N yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh N cho rằng vợ chồng không thể hàn gắn được nên cũng thống nhất ly hôn với chị D, về con chung đồng ý để chị D tiếp tục nuôi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng Đ văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh N; Về con chung chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung có nhưng chị Diễm và anh N tự thỏa thuận nên không xem xét; Về nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ (nay là UBND Phường T, thị xã Long Mỹ) vào ngày 29/12/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn chị D và anh N đã chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị D và anh N thừa nhận gần 08 năm nay mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không quan tâm tới nhau. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh N. Anh N cũng đồng ý, vì vậy căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh N.

[3] Về con chung: Có 3 con chung, cháu Phùng Thị Thùy L hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu Phùng Quốc M và Phùng Quốc Đ hiện đang sống chung với chị D. Nay chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh N cũng đồng ý. Tại bản tự khai cháu M cũng yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị D; Theo biên bản xác minh của Tòa án thì chị D có đủ điều kiện để chăm lo cho con, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị D được tiếp tục nuôi cháu M và cháu Đ. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho anh N không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Có, chị D và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 15, Điều 55, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Văn N.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được tiếp tục nuôi cháu Phùng Quốc M (giới tính: nam), sinh ngày 23/02/2 và Phùng Quốc Đ (giới tính: nam), sinh ngày 21/9/2015. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho anh N không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Có, chị D và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0000640 phiếu lập ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/5/2020).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND Phường T;
- Lưu HS;

đã ký

Đào Thị Thủy

